TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/3/2020.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Đức Dũng.

+ Bà Lữ Kim Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Vân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thi Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 193/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng P – sinh năm 1983
Địa chỉ: đường 16, chợ AN, huyện LĐ, BRVT
- Bị đơn: Nguyễn Chí H – sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp 5, SR, CM, ĐN.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Nguyễn Văn L – sn 1954 và Lê Thị Kim X – sn 1959
Cùng địa chỉ: TDP số 5, TT.ĐP, huyện ĐP, QN
2. Nguyễn Thị T – sn 1973
Địa chỉ: thôn VX, PP, ĐP, QN

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2019, các bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày:* Chị và anh Nguyễn Chí H tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PP – ĐP - QN vào năm 2003. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của 2 người. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, do điều kiện kinh tế nên cả hai chuyển từ QN vào trong xã SR – huyện CM sinh sống. Được một thời gian thì hai vợ chồng bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn . Do anh H cờ bạc nên phá tán kinh tế gia đình. Chị phải bươn chải để lo cho con thì anh H cho rằng chị ngoại tình nên đánh đập chị tàn nhẫn. Bên cạnh đó, trong quan hệ chăn gối chị không đáp ứng thì bị anh H đánh đập, xé quần áo, dùng lờ lẽ tục tĩu để chửi bới, xúc phạm danh dự chị. Chị vì các con nên cố gắng chịu đựng. Anh H cũng đã viết cam kết cho chị 02 lần với nội dung không tái phạm nhưng không thực hiện nên chị và anh H đã ly thân mấy tháng nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: cháu Nguyễn Ngọc Trúc L - sinh ngày 04/12/2003 và cháu Nguyễn Lâm Nhật H – sinh ngày 01/3/2009. Chị đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: nợ cha mẹ chị 200.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Thị T 100.000.000 đồng. Các bên thống nhất không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này.

Chị đề nghị được xét xử vắng mặt.

+ Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai đối chất, biên bản hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Chí H trình bày: Về cơ sở kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung anh đồng ý với lời trình bày của chị P. Về nguyên nhân mâu thuẫn do anh nghi ngờ chị P có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên mới đánh chị P. Anh có đánh bài và biết việc đánh bài ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Trong quan hệ vợ chồng chị P cư xử như kiểu bố thí nên hai vợ chồng giằng co dẫn đến quần áo của chị P bị rách chứ anh không xé. Khi vợ chồng cãi nhau, anh có dùng từ ngữ tục tĩu để chửi chị P. Chị P lúc nào cũng thủ sẵn dao trong người để chống cự lại anh. Anh nhận thấy chị P không tôn trọng chồng nhưng vì con, anh có thể tha thứ để tiếp tục chung sống. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: nếu phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu Nhật H, giao cháu Trúc L cho chị P nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh đề nghị được xét xử vắng mặt.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn L, Lê Thị Kim X, Nguyễn Thị T: trình bày: thống nhất số nợ với ý kiến anh H – chị P và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Đề nghị được xét xử vắng mặt.

** Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Tòa án nhận được đỏn khởi kiện của chị P ngày 16/4/2019, ngày 21/5/2019 mới ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí là xử lý đơn khởi kiện chậm.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS nên không có kiến nghị gì.

- Về việc áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Luật HNGĐ năm 2000 để giải quyết.

- Về việc giải quyết vụ án: cho chị P và anh H ly hôn, giao con cho chị P nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H, không xem xét giải quyết phần tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị P có đơn ly hôn với anh H và xin được nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị P được xác định là nguyên đơn, anh H là bị đơn.Ông L, bà X, bà T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về thủ tục tố tụng: chị P, anh H, ông L, bà X, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 228 BLTTDS để tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[4] Về điều luật áp dụng: anh chị lập gia đình năm 2003, nên căn cứ Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết cho anh chị là phù hợp.

[5] Xét lời trình bày của các đương sự nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P, anh H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PP vào năm 2003 nên áp dụng Điều 9, 11 và Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị P có nguyện vọng muốn ly hôn, anh H không đồng ý nhưng xét thấy hai anh chị thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Anh H đam mê cờ bạc, không lo làm ăn dẫn đến ảnh hưởng kinh tế gia đình. Bên cạnh đó anh H còn nghi ngờ chị P không chung thủy, thường xuyên dùng từ ngữ tục tĩu để chửi bới, xúc phạm chị, làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Hai anh chị hiện không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy cần cho anh chị ly hôn là phù hợp.

- Về con chung: Chị P muốn nuôi cả hai con, anh H muốn nuôi cháu H, nhưng xét thấy cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Anh H thừa nhận hiện

anh không có việc làm, không có thu nhập. Chị P có việc làm ổn định, có điều kiện kinh tế để chăm sóc cho con. Do đó, để đảm bảo cho việc phát triển về mọi mặt của các cháu thì cần thiết giao cả hai con chung cho chị P nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đồng nhất với HĐXX về phần thủ tục tố tụng, nội dung vụ án và việc áp dụng pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều **131** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ các điều 56, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật HNGĐ năm 2000.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng P.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn anh Nguyễn Chí H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trúc L - sinh ngày 04/12/2003 và cháu Nguyễn Lâm Nhật H – sinh ngày 01/3/2009 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 004882 ngày 29/5 /2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Chị P đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Chị P, anh H, ông L, bà X, bà T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Chi cụcTHADS H.Cẩm Mỹ;
- UBND xã Phổ Phong (182/2003);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tùng